**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1**

**CHỦ ĐỀ 1: NHỮNG BÀI HỌC ĐẦU TIÊN**

**BÀI 2: B, b**

**I.MỤC TIÊU**

* Giúp HS quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm b.
* Đọc được chữ b, ba. Viết được chữ b, ba và số 2.
* Nhận biết được tiếng có âm chữ b, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ b.
* Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ b.
* Hình thành năng lực hợp tác qua việc hoạt động nhóm.
* Rèn luyện phâm chất chăm chỉ thông qua hoạt động tập viết.

**II.PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

* SHS,VTV, SGV
* Một số tranh minh họa, thẻ từ. Tranh chủ đề,
* Thẻ chữ b ( in thường, in hoa, viết thường)

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG HỌC SINH |
| **TIẾT 1**  **1.Ổn định lớp, kiểm tra bài cũ**   * HS hát   **2.Khởi động**   * Mục tiêu: Biết trao đồi với các bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái có tên gọi chứa chữ b * Phương pháp: Thảo luận, đàm thoại, trực quan. * Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ gì? * Trong các tiếng vừa tìm được có gì giống nhau? * GV giới thiệu bài: B, b   **3.Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới**   * Mục tiêu: Nhận diện được chữ b ( chữ in hoa, chữ in thường) * Phương pháp: Thảo luận, đàm thoại, trực quan.   *3.1:Nhận diện âm chữ mới*   * Học sinh quan sát chữ b in thường, in hoa. * GV đọc mẫu chữ b, HS đọc chữ b   *3.2: Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng*   * Có chữ b rồi, để được tiếng ba thì làm như thế nào? * Phân tích tiếng ba. * Đánh vần theo mô hình tiếng ba: bờ - a – ba   **4.Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:**   * Mục tiêu: Đọc được chữ b * Phương pháp: Thảo luận, đàm thoại, trực quan. * Các em quan sát từ ba và cho biết trong từ ba có âm nào hôm nay mình học? * GV hướng dẫn HS đánh vần , đọc trơn   **5.Tập viết**   * Mục tiêu: Viết được chữ b, ba và số 2 * Phương pháp: Đàm thoại, trực quan, thực hành.   a.Viết chữ b   * GV cho HS xem chữ b đã viết sẵn và cho HS phân tích cấu tạo chữ b * GV viết mẫu trên bảng. * HS viết vào bảng con. * HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.   b.Viết chữ ba   * GV cho HS xem chữ ba đã viết sẵn và cho HS phân tích cấu tạo chữ ba * GV viết mẫu trên bảng. * HS viết vào bảng con.   b.Viết số 2   * Tương tự cách làm đối với viết chữ b. * HS viết vào vở tập viết chữ a và số 1 * HS nhận xét bài viết của mình và của bạn. * HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.   **TIẾT 2**  **6.Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới, luyện tập đánh vần, đọc trơn**   * Mục tiêu: HS nhận biết được tiếng có âm chữ b, nói được câu có từ ngữ chứa tiếng vừa học. Đọc được ba ba * Phương pháp: Thảo luận, đàm thoại, trực quan.   *6.1:Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới*   * Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ gì? * HS thảo luận, dùng ngón trỏ nối chữ b với các hình. * Sau khi quan sát tranh, HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm b? * Bạn nào có thể nêu một số từ khác ngoài bài có chứa âm b.   *6.2:Luyện tập đánh vần, đọc trơn*   * Bạn nào có thể đọc cho cô từ này? * HS đánh vần, đọc trơn từ ba ba * GV giúp HS hiểu nghĩa từ ba ba, phân biệt giữa ba ba (sống ở dưới nước, không thể rụt đầu, chân có dạng mái chèo, không có móng) và con rùa (sống lâu ở trên cạn, có thể rụt đầu, mai rùa cứng, chân rùa có móng) * GV luyện đọc từ : ba ba   **7.Hoạt động mở rộng**   * Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu bài học * Phương pháp: đàm thoại. * Quan sát tranh và phát hiện được điều gì? * Vậy ở mẫu giáo các em đã học bài hát nào có từ búp bê hoặc âm b?   **8.Củng cố, dặn dò**   * Cho HS đọc lại bài vừa học, nhận diện âm b. * Viết bài trong vở tập viết ( nếu chưa viết kịp) * Chuẩn bị bài c, dấu huyền, dấu sắc | * Tranh vẽ: bé, bà, ba, bế bé. * Các tiếng có chứa chữ b. * HS quan sát GV viết tên bài * HS quan sát * HS đọc cá nhân, đọc nhóm 2 * Thêm chữ a * Tiếng ba gồm âm b và âm a, âm b đứng trước, âm a đứng sau. * HS đọc. * Âm b trong tiếng ba . * HS đọc cá nhân, đọc theo nhóm 2 * Chữ b cao 5 ô li, rộng 2,5 ô li, gồm nét khuyết trên và nét thắt * HS quan sát, * HS viết. * Viết chữ b trước, viết chữ a sau, chú ý nét nối giữa 2 con chữ * Số 2 cao 2 ô li, rộng 0,5 ô li. Số 2 gồm nét cong phải kết hợp nét xiên phải và nét ngang. * HS viết vở. * HS nhận xét. * HS thảo luận và thực hành nối chữ bằng ngón trỏ * Bàn, bé, bóng, ba ba ( tùy năng lực mà các em nêu từ hoặc câu). * Bún bò, bánh canh, bánh tráng, bươm bướm… * HS đọc ba ba * HS quan sát tranh ba ba và rùa. * Vẽ búp bê đang hát hoặc nói * Hát: kìa con bướm vàng…/ búp bê bằng bông…. |

**\*Rút kinh nghiệm:**

Hs nhận biết được âm b thường và b in , biết viết đúng độ cao , khoảng cách chữ ghi âm b.